

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT



NGÔ THỊ VÂN ANH

**PHÁP LUẬT VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP
THƯƠNG MẠI TỰ DO VIỆT NAM - EU**

Ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 8380107

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT KINH TẾ

THỪA THIÊN HUẾ, năm 2023

Công trình được hoàn thành tại:
Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: **TS. NGUYỄN HUY HOÀN**

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ họp tại:
Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng.....năm.....

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài.....	1
2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài	1
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu	3
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	3
5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu.....	3
6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận văn	4
7. Kết cấu của luận văn	4
CHƯƠNG 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ TRANH CHẤP VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP THƯƠNG MẠI TỰ DO VIỆT NAM EU . 5	5
1.1. Khái quát về tranh chấp thương mại tự do Việt Nam - EU.....	5
1.1.1. Khái niệm về tranh chấp thương mại tự do Việt Nam - EU	5
1.1.2. Định nghĩa pháp luật về tranh chấp thương mại tự do Việt Nam - EU.....	6
1.1.3. Đặc điểm pháp luật về thương mại tự do Việt Nam – EU.....	7
1.2. Một số nguyên tắc cơ bản trong pháp luật giải quyết tranh chấp thương mại tự do Việt Nam - EU	7
1.2.1. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp của WTO	7
1.2.2. Nguyên tắc xác định cơ quan giải quyết tranh chấp	7
1.2.4. Nguyên tắc đối xử ưu đãi	8
1.2.5. Nguyên tắc thiện chí giải quyết tranh chấp, tôn trọng sự thoả thuận của các bên	8
1.3. Nội dung pháp luật điều chỉnh giải quyết tranh chấp thương mại tự do Việt Nam – EU	8
1.3.1. Các Điều ước quốc tế đa phương về thương mại mà Việt Nam, EU là thành viên	8
1.3.2. Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU	8
1.4. Thực trạng pháp luật giải quyết tranh chấp thương mại tự do Việt Nam – EU trong WTO	8
1.4.1 Cơ chế giải quyết tranh chấp thương mại tự do trong WTO	8
1.4.2. Nội dung pháp luật giải quyết tranh chấp thương mại tự do theo WTO	8
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP THƯƠNG MẠI TỰ DO VIỆT NAM – EU VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN Ở VIỆT NAM	10
2.1. Thực trạng về pháp luật giải quyết tranh chấp thương mại tự do Việt Nam – EU trong Hiệp định thương mại tự do EVFTA	10
2.1.1. Cơ chế giải quyết tranh chấp thương mại tự do Việt Nam – EU trong Hiệp định thương mại tự do EVFTA	10
Cơ chế tham vấn.....	10
Cơ chế hòa giải	10
2.1.2. Thành lập Hội đồng trọng tài	10
2.1.3. Tiến hành tổ tụng trọng tài	10
2.1.4. Cơ chế đặc biệt: Tham vấn Chính phủ hoặc Hội đồng chuyên gia.....	11

2.2. Nội dung quan hệ pháp luật về thương mại tự do có thể phát sinh tranh chấp giữa các bên Việt Nam và EU.....	14
2.2.1. Một số nội dung chính về cam kết đứng trên góc độ kinh tế.....	14
2.2.2. Hiệp định IPA.....	17
2.3. Thực tiễn áp dụng pháp luật giải quyết tranh chấp thương mại tự do Việt Nam – EU	17
2.3.1. Các hình thức tranh chấp thương mại phát sinh giữa các bên Việt Nam - EU...	17
CHƯƠNG 3. ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VIỆT NAM TRONG GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP THƯƠNG MẠI TỰ DO GIỮA VIỆT NAM - EU NÓI RIÊNG VÀ TRANH CHẤP THƯƠNG MẠI TỰ DO NÓI CHUNG	21
3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về giải quyết tranh chấp thương mại tự do Việt Nam - EU.....	21
3.1.1. Thể chế hóa đường lối Đảng và chính sách mới của Nhà nước về đường lối phát triển kinh tế trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.....	21
3.1.2. Phù hợp với các điều kiện thực tiễn và xu hướng phát triển kinh tế xã hội..	21
3.1.3. Gắn liền với đổi mới và cải cách thủ tục hành chính.....	22
3.1.4. Đảm bảo hội nhập kinh tế quốc tế.....	22
3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật	23
3.3. Các giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về giải quyết tranh chấp thương mại tự do Việt Nam – EU nói chung và giải quyết tranh chấp thương mại nói riêng.....	23
KẾT LUẬN	24

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

TT	Từ viết tắt	Nghĩa chung nhất
1	AEC	Cộng đồng kinh tế Asean
2	ASEAN	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
4	CPTPP	Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương
5	DSB	Đại Hội đồng WTO
6	DSU	Thỏa thuận ghi nhận về các quy tắc và thủ tục điều chỉnh việc giải quyết tranh chấp trong WTO
9	EVIPA	Hiệp định Bảo hộ đầu tư Việt Nam - EU
10	GATT	Hiệp định chung về thuế quan và thương mại
11	GATS	Hiệp định chung về thương mại dịch vụ
12	ILO	Tổ chức Lao động thế giới
13	IUU	Danh mục các hoạt động đánh bắt cá bất hợp pháp do Ủy ban Châu Âu quy định
14	MEAs	Hiệp hội môi trường đa phương
15	MFN	Nguyên tắc tối huệ quốc
16	NAFTA	Hiệp định thương mại tự do Bắc Mỹ
17	ODA	Nguồn vốn của nhà tài trợ nước ngoài cung cấp cho Nhà nước hoặc Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam để hỗ trợ phát triển, bảo đảm phúc lợi và an sinh xã hội.
18	RCEP	Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực giữa ASEAN và 6 đối tác đã có FTA với ASEAN là Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ, Australia và New Zealand
19	SPS	Hiệp định về vệ sinh an toàn thực phẩm và kiểm dịch
TT	Từ viết tắt	Nghĩa chung nhất
20	SAB	Cơ quan Phúc thẩm của WTO
21	TRIPS	Hiệp định về các khía cạnh liên quan tới thương mại của quyền sở hữu trí tuệ

22	TBT	Hiệp định về hàng rào kỹ thuật trong thương mại
23	TPP	Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương
24	VPA	Hiệp hội cảng biển Việt Nam
25	WTO	Tổ chức thương mại thế giới

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Việt Nam và Liên minh Châu Âu thiết lập quan hệ ngoại giao vào năm 1990. Sau hơn 30 năm kể từ khi thiết lập quan hệ ngoại giao, quan hệ Việt Nam và EU đã có những bước phát triển nhanh chóng cả về chiều rộng và chiều sâu; vững chắc trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, thương mại, đầu tư, hợp tác phát triển, cũng như giáo dục, khoa học công nghệ....

Việt Nam hội tụ nhiều yếu tố thuận lợi, phù hợp với các động lực của EU và là một trong những lựa chọn hàng đầu của EU trong phát triển quan hệ với ASEAN và Đông Á. Quan hệ hợp tác toàn diện giữa Việt Nam và EU liên tục phát triển tốt đẹp trong 30 năm qua. Kim ngạch thương mại song phương đạt tốc độ tăng trưởng ấn tượng ngay cả trong giai đoạn khủng hoảng, thương mại hàng hóa tăng hơn 4 lần, thương mại dịch vụ tăng hơn 2 lần. EU là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam, là nhà viện trợ ODA lớn nhất, là nhà đầu tư hàng đầu, có mặt trong mọi lĩnh vực kinh tế quan trọng của Việt Nam. Về hợp tác phát triển, các nước EU đã dành cho Việt Nam nhiều khoản viện trợ ODA, trong đó phần lớn là viện trợ không hoàn lại để thực hiện nhiều dự án quan trọng về y tế, công nghiệp, nông nghiệp, bảo vệ môi trường, cung cấp nước sạch, hỗ trợ cải cách hành chính, xóa đói giảm nghèo, văn hóa, giáo dục - đào tạo...

Quan hệ Việt Nam với Liên minh Châu Âu đã chuyển từ hình thái mang tính chất chính trị - ngoại giao là chủ yếu sang hình thái hợp tác năng động, vừa song phương, vừa đa phương; từ tiếp nhận viện trợ là chủ yếu chuyển dần sang hợp tác kinh tế, thương mại, đầu tư, khoa học - kỹ thuật... trên cơ sở hai bên đều có lợi. Quan hệ hợp tác Việt Nam - EU lại có thêm điều kiện để phát triển khi sự hợp tác ASEAN - EU và hợp tác Á - Âu được quan tâm thúc đẩy.

Trong bối cảnh đó thì các quan hệ thương mại giữa Việt Nam – EU ngày càng trở nên đa dạng và phức tạp. Chính vì vậy tranh chấp thương mại giữa Việt Nam và các quốc gia, thành viên EU là điều không thể tránh khỏi và cần được quan tâm giải quyết kịp thời. Việc nghiên cứu về pháp luật giải quyết tranh chấp thương mại tự do Việt Nam – EU là yêu cầu cần thiết trong thực tiễn. Tuy nhiên, hiện nay, chưa có nghiên cứu nào tập trung vào vấn đề này.

Đó là lý do tác giả lựa chọn đề tài: **“Pháp luật về giải quyết tranh chấp thương mại tự do Việt Nam - EU”** để nghiên cứu và thực hiện luận văn thạc sĩ của mình.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Ở nước ta, trong những năm qua đã có một số công trình nghiên cứu, bài viết liên quan trực tiếp, gián tiếp hoặc có liên quan đến vấn đề, có thể kể đến:

- “Cơ chế giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế và việc hoàn thiện pháp luật Việt Nam trong quá trình hội nhập” (2008), Đề tài cấp bộ: Chủ nhiệm đề tài: Hoàng Phước Hiệp, Phó chủ nhiệm: Bùi Xuân Như, Hoa Hữu Long. Đề tài tập trung nghiên cứu những vấn đề lý luận cơ bản cơ bản thích ứng với điều kiện Việt Nam của cơ chế giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế; phân tích cơ chế giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế được áp dụng rộng rãi hiện nay trên thế giới

mà Việt Nam cần lưu ý trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế; nghiên cứu một số vấn đề của pháp luật và thực tiễn giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế tại Việt Nam. Trên cơ sở đó, Đề tài đưa ra những khuyến nghị góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam về giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.

- Nguyễn Thị Anh Thơ, Trần Phương Anh (2018), "Giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế bằng biện pháp tài phán trong các hiệp định thương mại tự do của EU", Tạp chí Luật học của Đại học Luật Hà Nội số 3/2018, Bài viết phân tích, làm rõ một số vấn đề cơ bản về giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế theo quy định của pháp luật EU và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế bằng các biện pháp tài phán trong các hiệp định thương mại tự do của EU.

- Nguyễn Hữu Huyền (2008), "Giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế tại Tòa án của EU và các nước theo hệ thống pháp luật Châu Âu lục địa và những kinh nghiệm rút ra cho việc hoàn thiện pháp luật Việt Nam", bài viết tóm tắt một số vấn đề cơ bản về thẩm quyền giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế tại Tòa án của Liên minh châu Âu EU và Tòa án của các quốc gia theo hệ thống pháp luật Châu Âu lục địa.

- Hoàng Tiến Đạt (2017), "Cơ chế giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế trong khuôn khổ Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu: cơ hội và thách thức cho Việt Nam". Tóm tắt: Trình bày khái quát về cơ chế giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế trong khuôn khổ Hiệp định thương mại tự do EVFTA.

- Vũ Hồng Cường (2017), "Giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư nước ngoài và nhà nước tiếp nhận đầu tư theo Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU và một số kiến nghị cho Việt Nam", Luận văn thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, tóm tắt: Trình bày khái quát về giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư nước ngoài và nhà nước tiếp nhận đầu tư. Nghiên cứu các qui định của Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU về cơ chế giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư nước ngoài và nhà nước tiếp nhận đầu tư và thực trạng giải quyết tranh chấp này trên thế giới. Đề xuất khuyến nghị cho Việt Nam nhằm giải quyết có hiệu quả các tranh chấp với nhà đầu tư nước ngoài.

- Trần Thế Tuân (2016), "Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và EU - cơ hội và thách thức cho nền kinh tế Việt Nam". Tóm tắt: Bài viết nêu khái quát một số cơ hội và thách thức của nền kinh tế Việt Nam khi tham gia Hiệp định thương mại tự do EVFTA.

- Nguyễn Minh Phong (2020), "Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU và Hiệp định bảo trợ đầu tư Việt Nam - EU: Những động lực và kỳ vọng mới". Tóm tắt: Bài viết khái quát một số vấn đề về động lực để thúc đẩy quá trình đàm phán, ký kết Hiệp định thương mại tự do và Hiệp định bảo trợ đầu tư Việt Nam - EU.

- Nguyễn Thị Lan Phương (2019), "Cơ chế giải quyết tranh chấp đầu tư trong khuôn khổ Hiệp định tự do thương mại - đầu tư Việt Nam - EU - Một số vấn đề cần lưu ý". Tóm tắt: Bài viết trình bày cơ chế giải quyết tranh chấp đầu tư trong khuôn khổ Hiệp định đầu tư Việt Nam EU.

- Nguyễn Trọng Điệp (2019), "Tác động của các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới tới pháp luật thương mại Việt Nam". Tóm tắt: Bài viết đánh giá tác

động của các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới tới pháp luật thương mại Việt Nam, dưới góc độ tác giả.

Mặc dù nội dung các công trình khoa học, bài viết trên không nghiên cứu trực tiếp “Pháp luật về giải quyết tranh chấp thương mại tự do Việt Nam - EU”, nhưng đây là kho tư liệu phong phú để tác giả tham khảo cho quá trình nghiên cứu chuyên sâu vấn đề mà tác giả đề cập.

Đây là một đề tài mang tính mới vì hiện nay chưa có công trình nào nghiên cứu chuyên sâu vấn đề mà tác giả đề cập.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3. Mục đích nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu của Luận văn là đề xuất những định hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về giải quyết tranh chấp thương mại tự do Việt Nam – EU.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được các mục đích nêu trên, Luận văn tập trung giải quyết các nhiệm vụ chủ yếu sau:

Thứ nhất, hệ thống một số vấn đề lý luận về tranh chấp thương mại tự do Việt Nam – EU.

Thứ hai, phân tích, đánh giá thực trạng pháp luật về giải quyết tranh chấp thương mại tự do Việt Nam - EU; qua nghiên cứu chỉ ra một số hạn chế của pháp luật hiện hành làm cơ sở cho giải pháp ở Chương 3.

Thứ ba, phân tích thực tiễn thực hiện pháp luật trên cơ sở đó chỉ ra một số hạn chế, vướng mắc và nguyên nhân của vướng mắc về giải quyết tranh chấp thương mại tự do Việt Nam - EU.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu quy định của pháp luật hiện hành giải quyết tranh chấp thương mại tự do Việt Nam – EU.

Luận văn nghiên cứu thực tiễn áp dụng pháp luật về giải quyết tranh chấp thương mại tự do Việt Nam – EU.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi về nội dung: Luận văn nghiên cứu pháp luật về giải quyết tranh chấp thương mại tự do Việt Nam – EU.

Phạm vi về thời gian: Từ giai đoạn năm 2018 đến năm 2022.

Phạm vi địa bàn nghiên cứu: Cả nước

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận nghiên cứu

Để thực hiện đề tài này, luận văn dựa trên các phương pháp và cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác Lê Nin về nhà nước và pháp luật; Phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử.

5.1. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp phân tích, tổng hợp: Phương pháp này cũng được sử dụng trong tất cả các chương của luận văn, cụ thể được sử dụng để trình bày các hiện tượng, các quan điểm pháp lý về thương mại quốc tế; khái quát để phân tích rút ra

những thuộc tính, đặc trưng bản chất, các quy định của pháp luật về giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế, các quy định pháp luật tranh chấp thương mại Việt Nam - EU. Từ đó, rút ra những đánh giá, kết luận, kiến nghị về định hướng và giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về giải quyết tranh chấp thương mại Việt Nam – EU.

- Phương pháp tổng hợp, thống kê (số liệu thứ cấp): Phương pháp này chủ yếu được áp dụng nhằm đánh giá thực trạng áp dụng pháp luật về tranh chấp thương mại tự do Việt Nam - EU trên thực tế qua các số liệu tổng kết. Trên cơ sở đó, tìm ra đâu là nguyên nhân của những thực tế đó để có định hướng và giải pháp khắc phục.

- Phương pháp hệ thống hóa: Được sử dụng xuyên suốt toàn bộ trong các chương của Luận văn, nhằm trình bày các vấn đề, nội dung nghiên cứu theo một trình tự, bố cục hợp lý, chặt chẽ, logic và gắn kết được những vấn đề cần nghiên cứu.

- Phương pháp nghiên cứu điển hình: Lựa chọn một số vụ việc điển hình để phân tích, đối sánh việc thực hiện pháp luật để chỉ ra một số vướng mắc.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận văn

Về mặt lý luận: Luận văn sẽ bổ sung và góp phần hoàn thiện lý luận về giải quyết tranh chấp thương mại tự do Việt Nam - EU; Luận văn đóng góp về phương diện lý luận cho việc nghiên cứu pháp luật, xây dựng, hoàn thiện và thực thi pháp luật về giải quyết tranh chấp thương mại tự do Việt Nam – EU.

Về mặt thực tiễn: Luận văn đánh giá thực tiễn và chỉ ra một số vướng mắc trong áp dụng pháp luật về giải quyết tranh chấp thương mại tự do Việt Nam – EU.

Giá trị tham khảo: Luận văn là cơ sở để các tác giả nghiên cứu, giảng dạy và làm tài liệu tham khảo cho các cơ sở đào tạo.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài Phần mở đầu, Kết luận và Danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của Luận văn được chia thành ba (03) Chương:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận pháp luật về giải quyết tranh chấp thương mại tự do Việt Nam – EU

Chương 2: Thực trạng pháp luật về giải quyết tranh chấp thương mại tự do Việt Nam – EU và thực tiễn thực hiện ở Việt Nam

Chương 3: Định hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật Việt Nam trong giải quyết tranh chấp thương mại tự do giữa Việt Nam - EU

CHƯƠNG 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ TRANH CHẤP VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP THƯƠNG MẠI TỰ DO VIỆT NAM EU

1.1. Khái quát về tranh chấp thương mại tự do Việt Nam - EU

1.1.1. Khái niệm về tranh chấp thương mại tự do Việt Nam - EU

1.1.1.1. Khái niệm về tranh chấp thương mại tự do

Tranh chấp thương mại¹ là những mâu thuẫn (bất đồng hay xung đột) về quyền và nghĩa vụ giữa các bên trong quá trình thực hiện các hoạt động thương mại.

Tranh chấp thương mại quốc tế “International trade law” được hiểu là tranh chấp thương mại theo công pháp quốc tế².

Vậy, tranh chấp thương mại tự do là những mâu thuẫn (bất đồng hay xung đột) về quyền và nghĩa vụ giữa các bên trong quá trình thực hiện các hoạt động thương mại tự do. Tranh chấp thương mại tự do nằm trong mối quan hệ biện chứng với tranh chấp về bảo hộ đầu tư.

1.1.1.2. Chủ thể tham gia quan hệ tranh chấp

Một bên chủ thể tham gia quan hệ tranh chấp bắt buộc phải là Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Một bên chủ thể còn lại trực tiếp tham gia quan hệ tranh chấp là Ủy ban châu Âu EC - cơ quan có thẩm quyền thuộc Liên minh châu Âu EU³.

Có thể có sự tham gia của các chủ thể khác trong quan hệ tranh chấp thương mại tự do giữa Việt Nam – EU đó là chính phủ của quốc gia khác nằm ngoài liên minh châu Âu EU (ví dụ như Liên Hiệp các Vương quốc Anh).

Như vậy, tư cách chủ thể của quan hệ pháp luật tranh chấp chính là dấu hiệu bắt buộc và cũng để nhận diện mối quan hệ tranh chấp thương mại tự do Việt Nam – EU với các quan hệ tranh chấp thương mại khác.

1.1.1.3. Đặc điểm tranh chấp thương mại tự do giữa Việt Nam và EU

Thứ nhất, đây là tranh chấp thuộc lĩnh vực công pháp quốc tế, mang tầm quốc gia liên chính phủ chứ không gói gọn trong tranh chấp giữa các thương nhân với nhau. Đây là một khái niệm mang nghĩa rộng bao hàm các quy định mang tính chung bắt buộc mà Việt Nam – EU cam kết. Dù EU và Việt Nam đều là thành viên của tổ chức thương mại thế giới nhưng khi phát sinh tranh chấp thì vẫn phải ưu tiên sử dụng các cam kết trong EVFTA để giải quyết. Tuy nhiên có loại trừ điều khoản về cơ chế giải quyết. Đây chính là điều khoản tùy nghi mà các bên sẽ có quyền thống nhất lựa chọn.

¹ Điều ước đầu tiên chuyên về thương mại quốc tế xuất hiện vào thế kỷ thứ XVII. Đầu thế kỷ XX, xuất hiện một số nguyên tắc, chế định và học thuyết pháp lý quốc tế về điều chỉnh quan hệ kinh tế quốc tế,... Những nguyên tắc, chế định này thể hiện sự mâu thuẫn giữa tự do thương mại với xu hướng độc chiếm thị trường nước ngoài và bảo hộ thị trường nội địa. (Trường Đại học Luật Hà Nội (1998), Giáo trình Luật Quốc tế; Nhà xuất bản Công an nhân dân, trang 559). Theo nhận định của tác giả, được hiểu là điều ước thành văn được ghi nhận rộng rãi và còn lưu giữ được đến hiện nay.

² Xem thêm: Báo cáo phúc trình đề tài cấp bộ: “Cơ chế giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế và việc hoàn thiện pháp luật Việt Nam trong quá trình hội nhập” (2008), Đề tài cấp bộ: Chủ nhiệm đề tài: PGS.TS Hoàng Phước Hiệp, Phó chủ nhiệm: TS Bùi Xuân Như, Hoa Hữu Long và từ điển Luật học “Black Law Dictionary”.

³ Theo Tư liệu văn kiện Đảng Cộng sản Việt Nam: Ủy ban châu Âu (EC) - European Commission (EC) | Hồ sơ - Sự kiện - Nhân chứng (dangcongson.vn)

Thứ hai, những nội dung có thể phát sinh tranh chấp nằm trong khuôn khổ các quy định của Hiệp định thương mại tự do EVFTA.

Thứ ba, tranh chấp thương mại tự do Việt Nam – EU không có sự hiện diện của cơ quan tài phán của bất kỳ quốc gia riêng biệt; mà đó là sự hiện diện của Chính phủ và liên chính phủ.

Thứ tư, nếu có sự hiện diện của cơ quan tài phán là Toà án của Quốc gia thì đó là lĩnh vực thuộc phạm vi bảo hộ. Và EVFTA đã tách riêng phạm vi bảo hộ thành chương điều riêng. Đây là cơ chế mở để các bên có quyền áp dụng điều khoản miễn trừ.

Thứ năm, nếu trong khuôn khổ EVFTA không thể giải quyết được tranh chấp thì các bên có thể tham chiếu điều ước chung mà các bên là thành viên, đó là các điều ước trong khuôn khổ WTO. Tuy nhiên, EVFTA đã dự liệu được hầu như tất cả các tranh chấp có thể phát sinh giữa các bên để đưa vào khuôn khổ Hiệp định thương mại tự do.

Thứ sáu, tranh chấp thương mại tự do Việt Nam – EU về bản chất là cách để các bên bảo hộ nền kinh tế của chính mình sau đó tạo ra sân chơi để các bên tham gia vào.

Thứ bảy, các thương nhân tham gia hoạt động thương mại và phát sinh tranh chấp với nhau thì đó không phải là tranh chấp thương mại tự do mà đó là tranh chấp thương mại mang nghĩa hẹp⁴.

Thứ tám, hiện nay chưa có định nghĩa nào chung nhất về khái niệm tranh chấp thương mại tự do, mà chỉ có xét về chủ thể giải quyết tranh chấp, nội dung tranh chấp và dấu hiệu mang tính đặc trưng nhất là Chính phủ của các Quốc gia. Các nhà Luật học trên thế giới vẫn chưa tìm ra khái niệm mang tính phổ quát nhất.

1.1.2. Định nghĩa pháp luật về tranh chấp thương mại tự do Việt Nam - EU

Pháp luật về giải quyết tranh chấp thương mại tự do Việt Nam – EU là tổng hợp những quy phạm mang tính thoả thuận chung giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu trong quá trình thực hiện quyền nghĩa vụ của mỗi bên khi tham gia vào hoạt động thương mại tự do.

Nguồn của pháp luật giải quyết tranh chấp thương mại tự do gồm các điều ước quốc tế song phương và đa phương mà Việt Nam và Liên minh châu Âu EU đều tham gia với tư cách thành viên chính thức.

Tranh chấp thương mại tự do Việt Nam EU có thể được hiểu là tranh chấp thương mại quốc tế theo công pháp quốc tế. Tranh chấp thương mại quốc tế theo công pháp quốc tế là tranh chấp giữa các quốc gia, các chủ thể khác của công pháp quốc tế về các vấn đề quan hệ thương mại, kinh tế quốc tế. Các tranh chấp này phải được giải quyết theo các cơ chế đã được cộng đồng quốc tế thừa nhận rộng rãi, thường bao gồm các cơ chế của các điều ước quốc tế song, đa phương, liên quan đến thương mại quốc tế. Tranh chấp này thường xảy ra khi một nước thành viên áp

⁴ “Nếu *international trade* là thuật ngữ chỉ hoạt động thương mại quốc tế do các quốc gia thực hiện với nhau thì *international commerce* là thuật ngữ chỉ hoạt động thương mại quốc tế do các thương nhân tiến hành”. Theo Giáo trình Luật Thương mại quốc tế, Đại học Luật Hà Nội, NXB Công an nhân dân, trang 14.

dụng một biện pháp thương mại (trade measure) không phù hợp với cam kết hoặc không đáp ứng các nghĩa vụ của quốc gia đó trong quan hệ thương mại quốc tế⁵.

1.1.3. Đặc điểm pháp luật về thương mại tự do Việt Nam – EU

Việt Nam và các quốc gia EU đều là thành viên của tổ chức thương mại thế giới WTO. Đây có thể xem là điều ước quốc tế đa phương mà Việt Nam và EU tham gia cam kết.

Đặc điểm của pháp luật về giải quyết tranh chấp thương mại tự do giữa Việt Nam – EU đó là:

Thứ nhất, đối tượng điều chỉnh là mối quan hệ tranh chấp thương mại tự do giữa Việt Nam với liên minh châu Âu EU.

Thứ hai, một bên chủ thể của quan hệ tranh chấp phải là Chính phủ Việt Nam. Một hoặc một số bên còn lại là Liên minh châu Âu EU, cơ quan đại diện trong vấn đề này là Ủy ban châu Âu (EC). (European Commission - EC)

Thứ ba, phạm vi điều chỉnh là các quan hệ pháp luật về thương mại tự do giữa chính phủ Việt Nam với Liên minh châu Âu EU hoặc là chính phủ của các quốc gia thành viên của Liên minh Châu Âu EU. Phạm vi này nằm trong các Điều ước quốc tế mà cả Việt Nam và các quốc gia thuộc Liên minh Châu Âu EU đều cùng tham gia vào.

1.2. Một số nguyên tắc cơ bản trong pháp luật giải quyết tranh chấp thương mại tự do Việt Nam - EU

1.2.1. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp của WTO

Vì đều là thành viên của tổ chức thương mại thế giới nên cả Việt Nam và EU đều phải tuân thủ theo các nguyên tắc sau:

- a) Nguyên tắc không phân biệt đối xử
- b) Nguyên tắc công khai và thúc đẩy cạnh tranh lành mạnh
- c) Nguyên tắc bảo hộ thông qua thuế quan
- d) Nguyên tắc tiếp cận thị trường
- e) Nguyên tắc bảo hộ phòng ngừa bất trắc
- g) Nguyên tắc bình đẳng giữa các quốc gia thành viên tranh chấp
- h) Nguyên tắc bí mật
- i) Nguyên tắc đồng thuận phủ quyết (hay đồng thuận nghịch)
- k) Nguyên tắc đối xử ưu đãi đối với các nước thành viên đang phát triển và chậm phát triển nhất

1.2.2. Nguyên tắc xác định cơ quan giải quyết tranh chấp

Về lý luận chung, cả Việt Nam và EU cùng có quyền lựa chọn cơ chế giải quyết tranh chấp nhưng chỉ trong khuôn khổ WTO hoặc EVFTA.

1.2.3. Nguyên tắc xác định pháp luật giải quyết tranh chấp

Thứ nhất, ưu tiên các Điều ước quốc tế song phương mà Việt Nam và EU cùng tham gia ký kết nhưng không đi ngược lại Điều ước quốc tế đa phương mà cả hai bên đều là thành viên. Trong trường hợp này, nội dung chính là các Điều ước quốc tế trong khuôn khổ Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA).

⁵ Ngày 31-01-2020 Liên Hiệp các Vương quốc Anh chính thức rời khỏi Liên minh châu Âu EU (Theo: https://european-union.europa.eu/principles-countries-history/history-eu/2020-today_en)

Thứ hai, các quy phạm tại Điều ước quốc tế trong khuôn khổ Hiệp định thương mại tự do EVFTA nếu không điều chỉnh được mối quan hệ tranh chấp hoặc nội dung pháp luật tranh chấp thương mại tự do trong Hiệp định EVFTA không thể hàm chứa hết thì lúc này cơ quan tài phán, EU, Việt Nam có quyền viện dẫn đến các nội dung khác có liên quan trong khuôn khổ Điều ước quốc tế của Tổ chức thương mại thế giới WTO.

Thứ ba, sau khi đã viện dẫn một cách đầy đủ trọn vẹn tất cả các nội dung trong khuôn khổ WTO mà vẫn không thể điều chỉnh được mối quan hệ tranh chấp thương mại tự do phát sinh giữa Việt Nam, EU thì lúc đó các bên (Việt Nam, EU) mới có quyền thống nhất thoả thuận đề nghị cơ quan tài phán viện dẫn các quy phạm khác nằm ngoài điều ước trong khuôn khổ WTO để giải quyết tranh chấp.

1.2.4. Nguyên tắc đối xử ưu đãi

Khi có tranh chấp thương mại tự do phát sinh giữa Việt Nam – EU thì các bên không có quyền viện dẫn nguyên tắc tối huệ quốc nếu có sự tham gia của bên thứ ba không thuộc Liên minh châu Âu EU (ví dụ Liên Hiệp Vương Quốc Anh).

Vậy, khi tranh chấp thương mại tự do phát sinh giữa Việt Nam và EU thì cần phải viện dẫn Hiệp định thương mại tự do EVFTA trước chứ không phải là các điều ước khác nằm ngoài khuôn khổ của EVFTA

Nguyên tắc này cũng ghi nhận sự tự nguyện của Chính phủ Việt Nam và Liên Chính phủ của Liên minh Châu Âu EU (Hội đồng châu Âu EC) khi cùng nhau thoả thuận tham gia vào Điều ước quốc tế song phương và đa phương.

1.2.5. Nguyên tắc thiện chí giải quyết tranh chấp, tôn trọng sự thoả thuận của các bên

1.3. Nội dung pháp luật điều chỉnh giải quyết tranh chấp thương mại tự do Việt Nam – EU

1.3.1. Các Điều ước quốc tế đa phương về thương mại mà Việt Nam, EU là thành viên

Việt Nam và EU đều là thành viên của tổ chức thương mại thế giới WTO

Ngày 07/11/2006, Đại hội đồng của Tổ chức thương mại thế giới (WTO) đã ra quyết định về việc gia nhập WTO của Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Các điều ước quốc tế được Việt Nam tham gia ký kết sau đó đều dựa trên việc tuân thủ các nguyên tắc tôn trọng lẫn nhau, tạo thuận lợi về tự do thương mại như cam kết của WTO.

1.3.2. Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU

1.4. Thực trạng pháp luật giải quyết tranh chấp thương mại tự do Việt Nam – EU trong WTO

1.4.1 Cơ chế giải quyết tranh chấp thương mại tự do trong WTO

1.4.2. Nội dung pháp luật giải quyết tranh chấp thương mại tự do theo WTO

Các nội dung quan hệ tranh chấp về thương mại tự do có thể phát sinh dựa trên các điều ước quốc tế trong khuôn khổ WTO

1. Thương mại hàng hoá

1.1. Hàng hoá

1.2. Thuế quan

- 1.3. Các quy định về nông nghiệp và nông sản
- 1.4. Các quy định về tiêu chuẩn và an toàn sản phẩm
- 1.5. Chống bán phá giá, trợ cấp, tự vệ
- 1.6. Các rào cản phi thuế quan
- 1.7. Một số tranh chấp tùy nghi do có quy định tùy nghi trong thương mại quốc tế
- 1.8. Các quy định về mua bán máy bay dân dụng (có mang tính chất độc quyền)
2. Thương mại dịch vụ (GATS)
Hiệp định chung về thương mại dịch vụ GATS.
3. Quyền sở hữu trí tuệ Hiệp định TRIPs
 - 3.1. Quyền tác giả
 - 3.2. Nhãn hiệu hàng hoá và dịch vụ
 - 3.3. Chỉ dẫn địa lý
 - 3.4. Bản vẽ và kiểu dáng công nghiệp
 - 3.5. Bằng phát minh sáng chế

Tiểu kết Chương 1

Với việc đưa ra các khái niệm đã nêu tại Chương 1, tác giả muốn giải quyết các vấn đề sau:

Mâu thuẫn trong cách hiểu “Tranh chấp thương mại tự do Việt Nam - EU” với “Tranh chấp thương mại Việt Nam – EU”.

Mâu thuẫn trong cách vận dụng “Pháp luật” để “giải quyết tranh chấp thương mại tự do Việt Nam – EU” với cách vận dụng “pháp luật” để “giải quyết tranh chấp thương mại Việt Nam – EU”.

Để từ đó đưa ra nhận định “Pháp luật về giải quyết tranh chấp thương mại tự do Việt Nam – EU” là một khái niệm mang tính nội hàm rất rộng, và lẽ dĩ nhiên, trong phạm vi một đề tài Luận văn thạc sĩ không thể giải quyết hết. Tuy nhiên, với cách tiếp cận vấn đề, phần nào tác giả hy vọng những công trình khoa học đã, đang và sẽ đề cập đến vấn đề thuộc cùng phạm trù nghiên cứu xuyên suốt hơn và mang tính chuyên sâu bài bản hơn.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP THƯƠNG MẠI TỰ DO VIỆT NAM – EU VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN Ở VIỆT NAM

2.1. Thực trạng về pháp luật giải quyết tranh chấp thương mại tự do Việt Nam – EU trong Hiệp định thương mại tự do EVFTA

2.1.1. Cơ chế giải quyết tranh chấp thương mại tự do Việt Nam – EU trong Hiệp định thương mại tự do EVFTA

Quy trình giải quyết tranh chấp cấp Chính phủ trong Chương 15 của EVFTA bao gồm các bước sau:

Cơ chế tham vấn

Mọi tranh chấp phải được bắt đầu giải quyết bằng bước tham vấn giữa hai Bên. Bên có khiếu nại phải gửi yêu cầu tham vấn bằng văn bản đến cho Bên kia, hai Bên sẽ phải cùng tham vấn trong vòng 30 ngày. Sau 45 ngày mà việc tham vấn chưa tiến hành, hoặc đã tiến hành nhưng không đạt kết quả thì coi như kết thúc Bước này. Các thời hạn này có thể ngắn hơn (lần lượt là 15 ngày và 20 ngày) đối với các trường hợp khẩn cấp (ví dụ liên quan tới hàng hóa dễ hư hỏng hay dịch vụ theo mùa). Tuy nhiên trong mọi trường hợp hai Bên đều có thể thỏa thuận gia hạn các thời hạn này.

Cơ chế hòa giải

Thông qua trọng tài, tuy nhiên có thể dừng lại bất cứ lúc nào khi các bên tranh chấp có được sự đồng thuận.

2.1.2. Thành lập Hội đồng trọng tài

Nếu hai Bên không đạt được thỏa thuận giải quyết tranh chấp qua tham vấn hoặc không thực hiện tham vấn trong thời hạn quy định thì Bên có khiếu kiện có thể gửi yêu cầu thành lập Hội đồng trọng tài để giải quyết tranh chấp bằng quy trình trọng tài. Yêu cầu phải được lập thành văn bản, gửi tới cho Bên kia và Ủy ban Thương mại của EVFTA. Hội đồng trọng tài bao gồm 03 trọng tài viên, được thành lập trên cơ sở thỏa thuận của hai Bên về thành phần cụ thể của Hội đồng trọng tài. EVFTA có quy định cụ thể về điều kiện trọng tài viên, các bước để chỉ định trọng tài viên và thời hạn thành lập Hội đồng trọng tài. Một Danh sách trọng tài sẵn sẽ được thiết lập trong vòng 06 tháng kể từ khi EVFTA có hiệu lực bởi Ủy ban Thương mại của EVFTA để phục vụ cho mục tiêu này.

2.1.3. Tiến hành tố tụng trọng tài

Trong vòng 10 ngày kể từ ngày Hội đồng trọng tài được thành lập, hai Bên sẽ cùng với Hội đồng trọng tài quyết định về các vấn đề cần thiết như khung thời gian, thù lao, chi phí trọng tài... trừ các vấn đề đã được cam kết sẵn trong EVFTA. Quy trình tố tụng trọng tài được nêu trong Phụ lục 15-A của Chương 15 EVFTA (cách thức thông báo, đệ trình các lập luận, bắt đầu tố tụng, thay thế trọng tài viên, phiên điều trần, bảo mật thông tin trong quá trình tố tụng, các lập luận được đệ trình bởi các nhóm chủ thể có liên quan...). Các Bên tự thỏa thuận với nhau và với Hội đồng trọng tài về các vấn đề tố tụng mà EVFTA không đề cập. Các phiên họp giải quyết tranh chấp của Hội đồng trọng tài là công khai trừ khi có quy định khác

tại Phụ lục 15-A của EVFTA. Tuy nhiên, các thảo luận nội bộ của các trọng tài viên là hợp kín, với tài liệu được bảo mật. Trừ khi các Bên có thỏa thuận khác, trong vòng 3 ngày tính từ khi Hội đồng trọng tài thành lập, Hội đồng trọng tài có thể tiếp nhận các văn bản giải trình từ các cá nhân là công dân hoặc tổ chức thành lập trên lãnh thổ của một trong hai Bên.

- Báo cáo của Hội đồng trọng tài Trong vòng 90 ngày (có thể gia hạn nhưng không quá 120 ngày) kể từ ngày thành lập, Hội đồng trọng tài phải ra báo cáo sơ bộ, với các nội dung về thực tế vụ việc, áp dụng các quy định, căn cứ ra quyết định và khuyến nghị liên quan. Trường hợp khẩn cấp, báo cáo sơ bộ sẽ được đưa ra trong vòng 45 ngày (có thể gia hạn đến 60 ngày) kể từ khi thành lập Hội đồng trọng tài. Các Bên có quyền bình luận hoặc gửi yêu cầu về các nội dung của báo cáo sơ bộ cho Hội đồng trọng tài trong vòng 14 ngày sau khi được thông báo về báo cáo sơ bộ (7 ngày trong trường hợp khẩn cấp). Hội đồng trọng tài sau đó sẽ cân nhắc ý kiến, bình luận, yêu cầu của các Bên, điều chỉnh nội dung báo cáo và thông qua Báo cáo cuối cùng trong vòng 120 ngày (hoặc tối đa là 150 ngày nếu có gia hạn) kể từ ngày thành lập Hội đồng trọng tài (các thời hạn này lần lượt là 60 và 75 ngày trong trường hợp khẩn cấp).

Thực thi

Về nguyên tắc, các Bên có nghĩa vụ thực hiện các biện pháp cần thiết để thực thi kết luận vụ việc trong Báo cáo cuối cùng của Hội đồng trọng tài.

Thứ nhất, thời gian cần thiết để thực thi: Trường hợp Bên phải thực thi cần thời gian để thực thi thì phải thông báo điều này cho Bên kia và Ủy ban Thương mại của EVFTA (trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được Báo cáo cuối cùng). Trường hợp hai Bên không thống nhất được với nhau về thời gian thực thi cần thiết thì Hội đồng trọng tài đã xử lý vụ việc sẽ được triệu tập lại (theo yêu cầu của Bên khởi kiện) để ra quyết định về khoảng thời gian cần thiết để thực thi này.

Thứ hai, xem xét lại biện pháp thực thi Khi kết thúc thời hạn thực thi, Bên phải thực thi phải thông báo cho Bên kia và Ủy ban Thương mại của EVFTA về các biện pháp mà mình đã thực hiện để thực thi kết luận giải quyết tranh chấp. Trường hợp hai Bên vẫn có tranh cãi về các biện pháp này thì có thể triệu tập lại Hội đồng trọng tài đã xử lý vụ việc để Hội đồng này ra quyết định về vấn đề này.

Thứ ba, biện pháp khắc phục tạm thời trong trường hợp khuyến nghị không được thực thi Trong trường hợp qua các bước nêu trên mà biện pháp thực thi cần thiết vẫn không được thực hiện thì Bên phải thực thi có thể đưa ra đề xuất về khoản bù đắp tạm thời nếu Bên được thực thi có yêu cầu. Nếu Bên được thực thi không có yêu cầu về biện pháp đền bù tạm thời hoặc đã có yêu cầu nhưng không đạt được thỏa thuận về khoản bù đắp tạm thời thì có quyền đơn phương ngừng các nghĩa vụ trong EVFTA với mức độ tương đương mức độ vi phạm/thiệt hại (với điều kiện là thông báo cho Bên kia và Ủy ban Thương mại của EVFTA và nêu rõ mức độ tạm ngừng các nghĩa vụ).

Hoà giải: Theo EVFTA, vào bất kỳ giai đoạn nào của quá trình tố tụng (tham vấn, trọng tài, thực thi...) các Bên đều có thể sử dụng quy trình hoà giải (với quy tắc nêu tại Phụ lục 15-C Chương 15) để giải quyết bất kỳ nội dung tranh chấp nào.

2.1.4. Cơ chế đặc biệt: Tham vấn Chính phủ hoặc Hội đồng chuyên gia

Cơ chế giải quyết tranh chấp: Không giống như các Chương khác, tranh chấp liên quan đến lĩnh vực Thương mại và Phát triển bền vững phát sinh sẽ chỉ giải quyết qua Tham vấn Chính phủ hoặc Hội đồng chuyên gia được quy định trong Chương 13 EVFTA mà không sử dụng Cơ chế giải quyết tranh chấp chung quy định tại Chương 15 EVFTA.

Chương 13 EVFTA bao gồm các cam kết liên quan tới các vấn đề về phát triển bền vững có liên quan tới thương mại bao gồm 17 Điều, đề cập đến các khía cạnh chính sau:

Khía cạnh 1: Lao động;

Khía cạnh hai: Môi trường (trong đó có biến đổi khí hậu, đa dạng sinh học, quản lý rừng bền vững, quản lý nguồn tài nguyên sinh vật biển...);

Khía cạnh ba: Các khía cạnh khác liên quan (ví dụ năng lượng tái tạo, trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, bảo trợ xã hội đối với các nhóm yếu thế...).

Về phạm vi, trong so sánh với CPTPP, các cam kết về phát triển bền vững của EVFTA được đánh giá là rộng hơn, bao trùm nhiều vấn đề hơn.

Về nội dung, các cam kết EVFTA về phát triển bền vững không bao gồm các tiêu chuẩn chi tiết, cụ thể mà chủ yếu là các cam kết chung về nguyên tắc ràng buộc về hướng phát triển và cam kết có tính khuyến nghị, nỗ lực (không bắt buộc).

Sau đây là tóm tắt một số cam kết đáng chú ý:

Cam kết thứ nhất, cam kết về pháp luật nội địa liên quan đến phát triển bền vững EVFTA không đặt ra các tiêu chuẩn cụ thể mà pháp luật nội địa phải quy định về môi trường, lao động hay các vấn đề phát triển bền vững khác mà các bên phải tuân thủ.

Ngược lại, EVFTA vẫn ghi nhận quyền của mỗi Bên trong việc: Quyết định các mục tiêu, chiến lược, chính sách và ưu tiên phát triển bền vững của mình; Thiết lập mức độ bảo vệ môi trường, xã hội phù hợp với bối cảnh của mình.

Tuy nhiên, trong quá trình ban hành và thực thi chính sách, pháp luật về phát triển bền vững, Việt Nam và EU cũng phải bảo đảm sáu tiêu chí sau:

Tiêu chí thứ nhất: Phù hợp với các tiêu chuẩn đã được quốc tế công nhận, và các hiệp định về lao động, môi trường mà mình là thành viên;

Tiêu chí thứ hai: Quy định và khuyến khích mức độ bảo vệ cao về môi trường và xã hội, đồng thời tiếp tục nỗ lực cải thiện các quy định luật pháp và chính sách đó. Về mức độ bảo hộ về môi trường và lao động, EVFTA có những yêu cầu nhất định đối với cách thức ban hành và thực thi các chính sách, pháp luật môi trường và lao động nội địa. Cụ thể, EVFTA yêu cầu Việt Nam và EU:

Tiêu chí thứ ba: Không làm suy yếu (giảm) mức độ bảo vệ môi trường và lao động theo cách gây bất lợi cho mục tiêu của Chương này;

Tiêu chí thứ tư: Không khuyến khích thương mại và đầu tư thông qua việc làm suy yếu mức độ bảo vệ luật pháp môi trường và lao động nội địa;

Tiêu chí thứ năm: Không giảm nhẹ hiệu lực pháp lý hoặc miễn trừ các quy định luật pháp về môi trường và lao động theo cách làm ảnh hưởng đến thương mại và đầu tư giữa Việt Nam và EU nhưng cũng không được bỏ qua việc thực thi hiệu quả pháp luật môi trường và lao động để khuyến khích thương mại và đầu tư;

Tiêu chí thứ sáu: Không áp dụng pháp luật môi trường và lao động một cách phân biệt đối xử tùy tiện và vô lý hoặc để hạn chế thương mại một cách trá hình.

Cam kết thứ hai, Cam kết về Lao động EVFTA không đưa ra các cam kết hay tiêu chuẩn lao động mới mà chỉ nhấn mạnh việc thực hiện hiệu quả các nghĩa vụ mà Việt Nam và EU đã cam kết với tư cách là Thành viên của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) và các tiêu chuẩn lao động trong Tuyên bố 1998 của ILO về Các nguyên tắc và các quyền cơ bản tại nơi làm việc, gồm:

- Quyền tự do liên kết và thương lượng tập thể của người lao động và người sử dụng lao động;

- Chấm dứt mọi hình thức lao động cưỡng bức hoặc ép buộc;

- Xóa bỏ hiệu quả lao động trẻ em;

- Chấm dứt phân biệt đối xử về việc làm và nghề nghiệp. Ngoài cam kết mang tính nguyên tắc chung này, EVFTA còn có thêm cam kết rằng các Bên không được sử dụng các tiêu chuẩn lao động để bảo hộ thương mại hay tạo ra lợi thế so sánh. Bên cạnh đó, EVFTA cũng có các cam kết (không bắt buộc) về việc nỗ lực tham gia ký kết và thực thi các Công ước khác về lao động của ILO mà Việt Nam/EU chưa phải là thành viên nhưng vẫn nhấn mạnh rằng điều này phụ thuộc vào bối cảnh của mỗi Bên.

Cam kết thứ ba, Cam kết về Môi trường EVFTA không đưa ra các tiêu chuẩn môi trường nào mới mà chỉ ghi nhận cam kết tăng cường thực thi hiệu quả các cam kết đã có trong các Công ước đa phương về môi trường (MEAs) mà Việt Nam và EU hiện đang là thành viên. Đồng thời, ở một số khía cạnh môi trường nhất định, EVFTA có nhấn mạnh một số yêu cầu nhất định, ví dụ:

- Về biến đổi khí hậu: Cam kết tham gia đối thoại và chia sẻ thông tin trong một số chủ đề ưu tiên (thực tiễn tốt trong định giá carbon, thúc đẩy thị trường carbon trong nước và quốc tế, tiết kiệm năng lượng, công nghệ khí thải thấp, năng lượng tái tạo);

- Đa dạng sinh học: Cam kết thúc đẩy và khuyến khích hoạt động thương mại các sản phẩm có lợi cho đa dạng sinh học, thúc đẩy việc tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ đây, trao đổi thông tin về các chính sách liên quan, các hoạt động nhằm giảm thiểu buôn bán trái phép động vật hoang dã, tăng cường hợp tác bổ sung danh mục CITES, bảo tồn và thúc đẩy các hệ sinh thái tự nhiên...;

- Quản lý rừng bền vững và thương mại lâm sản: Cam kết về các biện pháp khác nhau nhằm thúc đẩy thương mại và tiêu dùng gỗ hợp pháp (trao đổi thông tin, ban hành quy định liên quan, ký kết Hiệp định Đối tác Tự nguyện VPA thực thi FLEGT về thương mại lâm sản bền vững...);

- Kinh doanh và quản lý bền vững các nguồn hải sản sống và sản phẩm nuôi trồng thủy sản: Cam kết hợp tác, trao đổi thông tin và hợp tác trong chống lại việc đánh bắt cá bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU); thúc đẩy ngành nuôi trồng thủy sản bền vững; trao đổi thông tin về các biện pháp quản lý mới đối với nguồn tài nguyên sinh vật biển... Điểm chung của các cam kết này là mức độ cam kết khá lỏng, các nghĩa vụ chính sách mang tính khuyến nghị (không bắt buộc) là chủ yếu, nhấn mạnh vấn đề hợp tác, trao đổi thông tin ở cấp quản lý vĩ mô.

Ngoài ra, còn các cam kết khác *Phù hợp với Chương 16 (Hợp tác và nâng cao năng lực)*, hai Bên có thể hợp tác trong các lĩnh vực nêu tại khoản 1, ngoài những lĩnh vực khác, thông qua: hội thảo, chuyên đề, đào tạo và đối thoại để chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm và thực hành tốt; các nghiên cứu; hỗ trợ kỹ thuật và xây dựng năng lực, nếu phù hợp⁶.

- Cơ chế giám sát: EVFTA thiết lập Ủy ban Thương mại và Phát triển bền vững để xem xét và đánh giá việc thực hiện nội dung cam kết lĩnh vực này với các quy tắc cụ thể về cơ chế vận hành của Ủy ban này.

Cơ chế giải quyết tranh chấp bằng trọng tài tại chương 15 EVFTA gần giống với cơ chế giải quyết tranh chấp tại WTO nhưng có hai điểm khác biệt lớn.

Thứ nhất là việc giải quyết tranh chấp được thực hiện bởi một hội đồng trọng tài gồm ba trọng tài viên được các bên lựa chọn trong danh sách 15 trọng tài viên do Ủy ban Thương mại công bố. Trong hội đồng này có ít nhất một trọng tài viên quốc tịch Việt Nam, một người quốc tịch EU và một người không mang quốc tịch của hai quốc gia này.

Thứ hai là không có cơ chế phúc thẩm mà tranh chấp chỉ được giải quyết một lần bởi hội đồng trọng tài.

Cần lưu ý, cơ chế giải quyết bằng trọng tài và hòa giải tại EVFTA không thay thế hay làm ảnh hưởng tới việc sử dụng cơ chế giải quyết tranh chấp thương mại giữa Việt Nam và các nước thành viên EU theo quy định tại WTO. Nó cũng không thay thế các hiệp định song phương và đa phương khác mà Việt Nam và các nước EU là thành viên. Nói cách khác, Việt Nam có thể lựa chọn đưa tranh chấp ra giải quyết tại WTO thay vì đưa ra giải quyết bằng trọng tài hay hòa giải quy định tại EVFTA.

Tuy nhiên, EVFTA không cho phép sử dụng đồng thời nhiều cơ chế giải quyết tranh chấp để giải quyết cùng một nội dung tranh chấp. Điều đó có nghĩa là nếu một bên, ví dụ như Việt Nam, đã gửi yêu cầu giải quyết tranh chấp (hay đơn kiện) ra giải quyết tại WTO thì không còn quyền đưa yêu cầu này ra trọng tài EVFTA để giải quyết nữa.

Mặt khác, EVFTA cũng tạo ra cơ chế tự bảo vệ cho các bên do có điều khoản tự vệ tại chương 13 của Hiệp định EVFTA.

2.2. Nội dung quan hệ pháp luật về thương mại tự do có thể phát sinh tranh chấp giữa các bên Việt Nam và EU

2.2.1. Một số nội dung chính về cam kết đứng trên góc độ kinh tế⁷

2.2.1.1. Thương mại hàng hóa⁸

⁶ Điều 13.14 EVFTA.

⁷ Theo <https://trungtamwto.vn/fta/199-viet-nam--eu-evfta/1>;
<https://trungtamwto.vn/chuyen-de/8445-van-kien-hiep-dinh-evfta-evipa-va-cac-tom-tat-tung-chuong>

⁸ Đối với xuất khẩu của Việt Nam, ngay khi Hiệp định có hiệu lực, EU sẽ xóa bỏ thuế nhập khẩu đối với khoảng 85,6% số dòng thuế, tương đương 70,3% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang EU. Sau 07 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực, EU sẽ xóa bỏ thuế nhập khẩu đối với 99,2% số dòng thuế, tương đương 99,7% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam. Đối với khoảng 0,3% kim ngạch xuất khẩu còn lại, EU cam kết dành cho Việt Nam hạn ngạch thuế quan với thuế nhập khẩu trong hạn ngạch là 0%.

2.2.1.2. Thương mại dịch vụ và đầu tư⁹

Đối với hàng xuất khẩu của EU, Việt Nam cam kết sẽ xóa bỏ thuế quan ngay khi Hiệp định có hiệu lực với 48,5% số dòng thuế (chiếm 64,5% kim ngạch nhập khẩu). Tiếp đó, sau 7 năm, 91,8% số dòng thuế tương đương 97,1% kim ngạch xuất khẩu từ EU được Việt Nam xóa bỏ thuế nhập khẩu. Sau 10 năm, mức xóa bỏ thuế quan là khoảng 98,3% số dòng thuế (chiếm 99,8% kim ngạch nhập khẩu). Đối với khoảng 1,7% số dòng thuế còn lại của EU, ta áp dụng lộ trình xóa bỏ thuế nhập khẩu dài hơn 10 năm hoặc áp dụng hạn ngạch thuế quan theo cam kết WTO.

Các nội dung khác liên quan tới thương mại hàng hóa: Việt Nam và EU cũng thống nhất các nội dung liên quan tới thủ tục hải quan, SPS, TBT, phòng vệ thương mại, v.v, tạo khuôn khổ pháp lý để hai bên hợp tác, tạo thuận lợi cho xuất khẩu, nhập khẩu của các doanh nghiệp

⁹ Cam kết của Việt Nam và EU về thương mại dịch vụ đầu tư nhằm tạo ra một môi trường đầu tư cởi mở, thuận lợi cho hoạt động của các doanh nghiệp hai bên. Cam kết của Việt Nam có đi xa hơn cam kết trong WTO. Cam kết của EU cao hơn trong cam kết trong WTO và tương đương với mức cam kết cao nhất của EU trong những Hiệp định FTA gần đây của EU.

Các lĩnh vực mà Việt Nam cam kết thuận lợi cho các nhà đầu tư EU gồm một số dịch vụ chuyên môn, dịch vụ tài chính, dịch vụ viễn thông, dịch vụ vận tải, dịch vụ phân phối. Hai bên cũng đưa ra cam kết về đối xử quốc gia trong lĩnh vực đầu tư, đồng thời thảo luận về nội dung giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư và nhà nước.

Một số nét chính trong các cam kết một số ngành dịch vụ như sau:

- Dịch vụ ngân hàng: Trong vòng 05 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực, Việt Nam cam kết sẽ xem xét thuận lợi việc cho phép các tổ chức tín dụng EU nâng mức nắm giữ của phía nước ngoài lên 49% vốn điều lệ trong 02 ngân hàng thương mại cổ phần của Việt Nam. Tuy nhiên, cam kết này không áp dụng với 04 ngân hàng thương mại cổ phần mà nhà nước đang nắm cổ phần chi phối là BIDV, Vietinbank, Vietcombank và Agribank.

- Dịch vụ bảo hiểm: Việt Nam cam kết cho phép nhượng tái bảo hiểm qua biên giới, cam kết dịch vụ bảo hiểm y tế tự nguyện theo luật Việt Nam. Riêng đối với yêu cầu cho phép thành lập chi nhánh công ty tái bảo hiểm, ta chỉ cho phép sau một giai đoạn quá độ.

- Dịch vụ viễn thông: Ta chấp nhận mức cam kết tương đương trong Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP). Đặc biệt đối với dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng không có hạ tầng mạng, ta cho phép EU được lập doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài sau một giai đoạn quá độ.

- Dịch vụ phân phối: Ta đồng ý bỏ yêu cầu kiểm tra nhu cầu kinh tế sau 05 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực, tuy nhiên ta bảo lưu quyền thực hiện quy hoạch hệ thống phân phối trên cơ sở không phân biệt đối xử. Ta cũng đồng ý không phân biệt đối xử trong sản xuất, nhập khẩu và phân phối rượu, cho phép các doanh nghiệp EU được bảo lưu điều kiện hoạt động theo các giấy phép hiện hành

2.2.1.3. Mua sắm của Chính phủ¹⁰

2.3.1.4. Sở hữu trí tuệ¹¹

và chỉ cần một giấy phép để thực hiện các hoạt động nhập khẩu, phân phối, bán buôn và bán lẻ.

¹⁰Việt Nam và EU thống nhất các nội dung tương đương với Hiệp định mua sắm của Chính phủ (GPA) của WTO. Với một số nghĩa vụ như đấu thầu qua mạng, thiết lập cổng thông tin điện tử để đăng tải thông tin đấu thầu, v.v, Việt Nam có lộ trình để thực hiện. EU cũng cam kết dành hỗ trợ kỹ thuật cho Việt Nam để thực thi các nghĩa vụ này.

Về diện cam kết, ta cam kết mở cửa mua sắm của các Bộ, ngành trung ương, một số đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng (đối với các hàng hóa và dịch vụ mua sắm thông thường không phục vụ mục tiêu an ninh – quốc phòng), thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Tập đoàn điện lực Việt Nam, Tổng công ty đường sắt Việt Nam, 34 bệnh viện thuộc Bộ Y tế, Đại học quốc gia Hà Nội, Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh và một số Viện thuộc trung ương. Về ngưỡng mở cửa thị trường, ta có lộ trình 15 năm để mở cửa dần các hoạt động mua sắm.

Việt Nam bảo lưu có thời hạn quyền dành riêng một tỷ lệ nhất định giá trị các gói thầu cho nhà thầu, hàng hóa, dịch vụ và lao động trong nước trong vòng 18 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực.

Đối với dược phẩm, Việt Nam cam kết cho phép các doanh nghiệp EU được tham gia đấu thầu mua sắm dược phẩm của Bộ Y tế và bệnh viện công trực thuộc Bộ Y tế với một số điều kiện và lộ trình nhất định.

¹¹ Cam kết về sở hữu trí tuệ gồm cam kết về bản quyền, phát minh, sáng chế, cam kết liên quan tới dược phẩm và chỉ dẫn địa lý, v.v. Về cơ bản, các cam kết về sở hữu trí tuệ của Việt Nam là phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Một số nét chính trong các cam kết sở hữu trí tuệ như sau:

- Về chỉ dẫn địa lý, khi Hiệp định có hiệu lực, Việt Nam bảo hộ trên 160 chỉ dẫn địa lý của EU và EU sẽ bảo hộ chỉ dẫn địa lý của Việt Nam. Các chỉ dẫn địa lý của Việt Nam đều liên quan tới nông sản, thực phẩm, tạo điều kiện cho một số chủng loại nông sản của Việt Nam xây dựng và khẳng định thương hiệu của mình tại thị trường EU.

- Về nhãn hiệu: Hai bên cam kết áp dụng thủ tục đăng ký thuận lợi, minh bạch, bao gồm việc phải có cơ sở dữ liệu điện tử về đơn nhãn hiệu đã được công bố và nhãn hiệu đã được đăng ký để công chúng tiếp cận, đồng thời cho phép chấm dứt hiệu lực nhãn hiệu đã đăng ký nhưng không sử dụng một cách thực sự trong vòng 5 năm.

- Về thực thi: Hiệp định có quy định về biện pháp kiểm soát tại biên giới đối với hàng xuất khẩu nghi ngờ xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

- Cam kết về đối xử tối huệ quốc (MFN): Cam kết về nguyên tắc tối huệ quốc trong Hiệp định này đảm bảo dành cho các tổ chức, cá nhân của EU được hưởng những lợi ích về tiêu chuẩn bảo hộ cao không chỉ với các đối tượng quyền sở hữu trí tuệ theo Hiệp định của WTO về Các khía cạnh liên quan đến thương mại của

- 2.3.1.5. *Doanh nghiệp Nhà nước*¹²
- 2.3.1.6. *Thương mại điện tử*¹³
- 2.3.1.7. *Minh bạch hóa*
- 2.3.1.8. *Thương mại và phát triển bền vững*
- 2.3.1.9. *Các nội dung khác của Hiệp định EVFTA*

2.2.2. Hiệp định IPA

2.3. Thực tiễn áp dụng pháp luật giải quyết tranh chấp thương mại tự do Việt Nam – EU

2.3.1. Các hình thức tranh chấp thương mại phát sinh giữa các bên Việt Nam - EU

Một là: Thương mại hàng hóa (gồm các quy định chung và cam kết mở cửa thị trường);

Hai là: Quy tắc xuất xứ, hải quan và thuận lợi hóa thương mại;

Ba là: Các biện pháp vệ sinh an toàn thực phẩm (SPS);

Bốn là: Các rào cản kỹ thuật trong thương mại (TBT);

Năm là: Thương mại dịch vụ (gồm các quy định chung và cam kết mở cửa thị trường);

Sáu là: Đầu tư;

Bảy là: Phòng vệ thương mại;

quyền sở hữu trí tuệ (TRIPs) mà còn cả các đối tượng khác của quyền sở hữu trí tuệ trong các hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam tham gia.

¹² Các nghĩa vụ chính của Chương doanh nghiệp nhà nước là: (i) hoạt động theo cơ chế thị trường, nghĩa là doanh nghiệp có quyền tự quyết định trong hoạt động kinh doanh và không có sự can thiệp hành chính của Nhà nước, ngoại trừ trường hợp thực hiện mục tiêu chính sách công; (ii) không có sự phân biệt đối xử trong mua bán hàng hóa, dịch vụ đối với những ngành, lĩnh vực đã mở cửa; (iii) minh bạch hóa các thông tin cơ bản của doanh nghiệp phù hợp với quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

¹³ Để phát triển thương mại điện tử giữa Việt Nam và EU, hai bên cam kết không đánh thuế nhập khẩu đối với giao dịch điện tử. Hai bên cũng cam kết hợp tác thông qua việc duy trì đối thoại về các vấn đề quản lý được đặt ra trong thương mại điện tử, bao gồm:

- Trách nhiệm của các nhà cung cấp dịch vụ trung gian trong việc truyền dẫn hay lưu trữ thông tin;

- Ứng xử với các hình thức liên lạc điện tử trong thương mại không được sự cho phép của người nhận (như thư điện tử chào hàng, quảng cáo...);

- Bảo vệ người tiêu dùng khi tham gia giao dịch điện tử.

Hai bên cũng sẽ hợp tác trao đổi thông tin về quy định pháp luật trong nước và các vấn đề thực thi liên quan.

Tám là: Cạnh tranh;
Chín là: Doanh nghiệp Nhà nước;
Mười là: Mua sắm của Chính phủ;
Mười một: Sở hữu trí tuệ;
Mười hai: Thương mại và Phát triển bền vững;
Mười ba: Hợp tác và xây dựng năng lực;
Mười bốn: Các vấn đề Pháp lý-Thể chế.

2.3.2. Đánh giá thực tiễn giải quyết tranh chấp thương mại tự do Việt Nam – EU tại Việt Nam

Các nghiên cứu số liệu cho đến thời điểm hiện tại đều không có tranh chấp thương mại tự do nào giữa Chính phủ Việt Nam với các quốc gia liên quan trong việc thực thi các Hiệp định thương mại tự do.

Một khi hoạt động thương mại được thúc đẩy thì việc giao thương qua lại giữa các cá nhân, tổ chức, các chủ thể kinh doanh ngày càng gia tăng. Các Hiệp định thương mại tự do ra đời cũng tạo ra những môi trường kinh doanh thuận lợi hơn, tuy nhiên đi kèm đó là những thách thức lớn đặt ra. Vai trò của các FTA giống như những cầu nối. Thách thức đặt ra là hàng loạt những mâu thuẫn trong cách hiểu cách vận dụng những Điều ước quốc tế mà Chính phủ mỗi quốc gia cam kết. Có thể xem như cơ chế tự vệ song hành với cơ chế pháp lý mang tính rào cản. Lúc này, rất khó để viện dẫn pháp luật trong nước để giải quyết các tranh chấp thương mại quốc tế.

Ngay từ những năm 80 của thế kỷ XX, Đảng và Nhà nước ta đã sớm nhận thức được tính cần thiết và tất yếu của hội nhập kinh tế quốc tế. Trong tiến trình hội nhập quốc tế toàn diện về chính trị, quốc phòng - an ninh, văn hóa - xã hội, khoa học - công nghệ và giáo dục - đào tạo, hội nhập kinh tế quốc tế là nội dung trọng tâm và là một bộ phận quan trọng, xuyên suốt của công cuộc đổi mới đất nước. Theo đó, tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam có nhiều bước tiến quan trọng. Việc Việt Nam tham gia ký kết hàng loạt Hiệp định thương mại tự do với các quốc gia và các tổ chức Liên chính phủ là cách thức để hoà nhập sâu vào nền kinh tế quốc tế, EVFTA là một trong những bước tiến đó.

Các Hiệp định thương mại tự do ra đời không phải để chỉ giải quyết tranh chấp cụ thể giữa các thương nhân với nhau mà chủ yếu là cách để các quốc gia bảo vệ nền kinh tế của mình trong xu thế hội nhập, cũng như tạo ra sân chơi bình đẳng. Để những quốc gia bị xem là yếu thế vẫn có lý lẽ biện chứng một cách công bằng. Nếu trước đây chúng ta bước vào sân chơi với tâm thế là nền kinh tế đang phát triển thì giờ đây chúng ta trang bị cho mình khả năng đối chọi lại những nền kinh tế được xem là phát triển nhất, EVFTA là một trong số đó.

Đến nay, chiến lược Hội nhập kinh tế của Việt Nam đã đạt được những kết quả tích cực. Việt Nam là một trong quốc gia có mức hội nhập kinh tế ở mức rất cao, khi cơ bản định hình mạng lưới gồm 16 hiệp định thương mại tự do (FTA) và các khuôn khổ hợp tác kinh tế, thương mại với các trung tâm kinh tế hàng đầu. Điều này đã khẳng định được vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế, cũng như ghi dấu mốc lịch sử quan trọng trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế trong suốt thời gian qua. Vai trò của nước ta trong hội nhập và đối ngoại quốc tế đã thay đổi

rất lớn, từ chỗ chỉ tích cực tham gia trong các khuôn khổ hội nhập, cũng như trong các hợp tác quốc tế, thì nay chúng ta đã chủ động dẫn dắt. Việt Nam gần như đã thể hiện vai trò dẫn dắt trong ASEAN. Minh chứng rõ nét là Hiệp định CPTPP, RCEP, Việt Nam đã đạt được việc ký kết các hiệp định này, trong khi rất nhiều nhiệm kỳ chủ tịch ASEAN của các nước khác không thể kết thúc nổi đàm phán.

Ngoài việc tham gia vào các FTA, trong quá trình hội nhập kinh tế ASEAN, Việt Nam cũng đã ghi nhiều dấu ấn quan trọng khi hoàn thành vai trò Chủ tịch ASEAN trong các năm 1998, 2010 và mới đây là năm 2020. Năm 1998, chỉ ba năm sau khi Việt Nam trở thành thành viên của khối, Việt Nam đã tổ chức thành công Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 6. Kế hoạch hành động được đưa ra tại Hội nghị đã giúp duy trì sự hợp tác và tăng cường vị thế của hiệp hội trong suốt cuộc khủng hoảng tài chính châu Á 1997-1998. Và trong năm 2010, Việt Nam đã đảm nhiệm thành công vai trò Chủ tịch ASEAN, đặc biệt trong việc thúc đẩy tiến trình thực hiện Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC).

Tại Đại hội XIII, Đảng ta nhận định: *Tình hình thế giới tiếp tục diễn biến nhanh, phức tạp, khó lường. Tăng trưởng kinh tế thế giới có khả năng chậm hơn giai đoạn trước; thương mại và đầu tư quốc tế có xu hướng giảm; nợ công toàn cầu tăng, rủi ro trên thị trường tài chính, tiền tệ quốc tế gia tăng. Đặc biệt, đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, khó kiểm soát, gây ra suy thoái trầm trọng và khủng hoảng kinh tế toàn cầu, có khả năng tác động lâu dài đến nền kinh tế thế giới; làm thay đổi sâu sắc trật tự, cấu trúc kinh tế, phương thức quản trị toàn cầu, cách thức hoạt động kinh tế và tổ chức đời sống xã hội của thế giới”.*

Tranh chấp thương mại tự do thực chất là tranh chấp mang tầm vĩ mô nên khi phát sinh tranh chấp sẽ có sự tác động không nhỏ đến bức tranh kinh tế xã hội các thiết chế pháp lý của mỗi quốc gia. Vì lẽ đó, không ai mong muốn loại hình tranh chấp này phát sinh trên thực tế. Các Nhà làm luật cũng đã dự liệu được khả năng này nên đã cố ý xây dựng nên các bộ quy tắc xử sự trong kinh doanh, trong hoạt động thương mại. Bằng cách nội luật hoá các thoả thuận ghi nhận trong các Điều ước quốc tế mà các quốc gia tham gia thoả thuận ký kết, Chính phủ mỗi quốc gia sẽ cố gắng đề xuất các phương án tối ưu nhất trong kỹ thuật lập pháp để cơ quan có quyền lập pháp của mỗi quốc gia hoàn thiện chính sách pháp luật về kinh doanh thương mại nhằm đáp ứng các thoả thuận tầm Chính phủ đã ký kết; Các FTA càng nhiều thì việc dự liệu các tranh chấp có thể phát sinh càng cao.

Tiểu kết Chương 2

Bài toán về sức nặng giá trị hàng hoá trong chuỗi cung ứng giá trị hàng hoá toàn cầu là bức tranh tổng thể về nền kinh tế, xét ở khía cạnh luật pháp, các thiết chế cần có của nền kinh tế thức tỉnh nhận thức của các doanh nghiệp rằng không có những thiết chế pháp lý rất dễ phát sinh tranh chấp. Các chiến lược phát triển kinh tế của mỗi doanh nghiệp và cách đưa các sản phẩm của doanh nghiệp ra thị trường thế giới cũng là một bài toán cần có lời giải.

Pháp luật về giải quyết tranh chấp thương mại tự do Việt Nam – EU bao gồm các cơ chế lựa chọn cơ quan tài phán và các quy định điều chỉnh mối quan hệ tranh chấp thương mại tự do Việt Nam – EU. Các hoạt động thương mại tự do diễn ra mang tầm quốc gia Việt Nam – EU thực chất là quy ước chung để các chủ thể tham gia hoạt động thương mại mang quốc tịch Việt Nam và các quốc gia trong liên minh EU. Đứng trên bình diện rộng thì những tranh chấp thương mại giữa các thương nhân với nhau mang tính phổ quát. Đứng trên bình diện hẹp thì các thể nhân có thể trao đổi giao thương với nhau. Nên tranh chấp thương mại tự do giữa Việt Nam – EU đôi khi mang tính quy ước, phạm trù khái niệm mang tính chất dự liệu hơn là đã diễn ra rồi mới tiến hành xây dựng các quy tắc xử sự chung đưa vào Điều ước quốc tế cụ thể.

Do vậy, cách thức xác định nội hàm khái niệm cũng như cách thức xác định cơ chế giải quyết tranh chấp hay lựa chọn nguồn luật điều chỉnh mang tính chất quan trọng hơn là đi sâu tìm hiểu chi tiết từng vấn đề cụ thể. Theo góc độ lập pháp, đó là nhiệm vụ của các cơ quan, tổ chức cá nhân áp dụng pháp luật.

CHƯƠNG 3

ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VIỆT NAM TRONG GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP THƯƠNG MẠI TỰ DO GIỮA VIỆT NAM -EU NÓI RIÊNG VÀ TRANH CHẤP THƯƠNG MẠI TỰ DO NÓI CHUNG

3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về giải quyết tranh chấp thương mại tự do Việt Nam - EU

3.1.1. *Thế chế hóa đường lối Đảng và chính sách mới của Nhà nước về đường lối phát triển kinh tế trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa*

Ngay từ đầu những năm 1980 của thế kỷ XX, Đảng ta đã nhận thức rõ vai trò của việc hợp tác phát triển kinh tế với các nước trong khu vực và trên thế giới; Để từ đó thế chế hoá thành đường lối phát triển kinh tế trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Nghị quyết đại hội VI của Ban chấp hành Trung ương Đảng đã chỉ ra nhiệm vụ: *“Tích cực phát triển quan hệ kinh tế và khoa học, kỹ thuật với các nước khác, với các tổ chức quốc tế và tư nhân nước ngoài trên nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi. Thực hiện nghiêm túc các cam kết của nước ta trong quan hệ kinh tế với nước ngoài”*¹⁴

Nghị quyết đại hội VI của Ban chấp hành Trung ương Đảng đã chỉ ra nhiệm vụ: *“hoàn thiện hệ thống pháp luật, nhất là pháp luật về bảo hộ sở hữu trí tuệ”*¹⁵

Với việc thông qua Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU đã góp phần khẳng định việc hoàn thiện hệ thống pháp luật, bổ sung vào các cam kết về thương mại tự do giữa Chính phủ nước ta với Chính phủ các quốc gia và tổ chức liên minh Chính phủ các quốc gia khác.

Cuộc cách mạng Công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra trên bình diện rộng, việc kế thừa có hiệu quả của thành tựu về Khoa học kỹ thuật nhân loại cũng là yêu cầu thách thức đặt ra với nước ta; Bởi vấn đề chuyển giao công nghệ tiên tiến của các nước phát triển là nhu cầu cấp bách đối với công nghiệp hoá đất nước.

3.1.2. *Phù hợp với các điều kiện thực tiễn và xu hướng phát triển kinh tế xã hội*

Pháp luật về tranh chấp thương mại tự do Việt Nam EU không chỉ đặt ra cách giải quyết vấn đề mà hơn đó là giúp chúng ta dự liệu những tranh chấp có thể phát sinh trên thực tế giữa Việt Nam – EU trên phạm vi rộng. Tuy nhiên, các Hiệp định thương mại tự do đã và đang đặt ra các yêu cầu cao về cơ chế thực thi pháp luật trong nước, cách thực hiện cam kết theo các Điều ước quốc tế của Việt Nam.

Trong tình hình hiện nay, các quốc gia thuộc liên minh Châu Âu EU đã không còn sự tham gia của Liên hiệp Vương quốc Anh thì cũng cần lưu ý vấn đề mang tính bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ. Không nằm ngoài các dự liệu, việc đưa ra hàng loạt các cam kết liên quan đến Sở hữu trí tuệ giữa Việt Nam – EU cũng là cách thức chúng ta tham chiếu để hoàn thiện pháp luật trong nước liên quan đến lĩnh vực sở hữu trí tuệ. Để tránh xảy ra tranh chấp thương mại, bảo vệ doanh nghiệp

¹⁴ Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI (Nhiệm kỳ năm 1986-1990) của Đảng Cộng sản Việt Nam

¹⁵ Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII (Nhiệm kỳ năm 2021-2025) của Đảng Cộng sản Việt Nam

trong nước và người tiêu dùng cũng là yêu cầu đặt ra. Tuy nhiên, cũng cần xem xét hướng ngược lại là lợi thế so sánh về các mặt hàng xuất khẩu nông nghiệp của nước ta. Đứng trên góc độ kinh tế học thì đó là lợi thế so sánh. Không đi sâu tìm hiểu về các lợi thế so sánh này nhưng với các quy phạm điều chỉnh các mối quan hệ thương mại trong các Bộ luật, Luật liên quan đến lĩnh vực thương mại trong nước cũng là cách để phù hợp giữa các thiết chế pháp lý với thực tiễn phát triển kinh tế. EU đặt ra quy trình rất gắt gao trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ.

Chính vì lẽ đó, chúng ta cần phải hoàn thiện pháp luật và bộ quy chuẩn đánh giá chất lượng sản phẩm trong quá trình công bố đưa ra sản xuất tiêu dùng. Mặt khác, đối với các lợi thế của Việt Nam chúng ta trong các mặt hàng như sản phẩm nông nghiệp cũng cần có tính bảo hộ về quy trình tạo ra sản phẩm.

3.1.3. Gắn liền với đổi mới và cải cách thủ tục hành chính

Cải cách thủ tục hành chính chính là nhiệm vụ và là nỗ lực của Chính phủ các quốc gia nhằm hoàn thiện các thể chế thực thi pháp luật trong nước để từ đó góp phần nâng cao hiệu quả hợp tác trong việc thực thi các cam kết đã ghi nhận trong các Điều ước quốc tế song phương và đa phương.

Tính đến thời điểm hiện nay, chúng ta đã và đang từng bước số hoá thông tin cá nhân để góp phần thực hiện các cam kết về Thương mại tự do. Việc ứng dụng các thành tựu khoa học trong Cách mạng công nghiệp lần thứ tư cũng đạt được nhiều thành công trong cải cách thủ tục hành chính.

Các tranh chấp thương mại tự do Việt Nam – EU nếu có xảy ra thì việc hoàn thiện cải cách thủ tục hành chính cũng là cách để người dân doanh nghiệp tham gia vào hoạt động thương mại có khả năng nắm bắt thông tin một cách nhanh nhất, cũng như ứng dụng các lợi thế so sánh mà Hiệp định thương mại tự do hay Điều ước quốc tế về thương mại đem lại để góp phần đồng hành cùng Chính phủ biện luận lại trước các cơ quan tài phán trong trường hợp xảy ra tranh chấp trên thực tế.

3.1.4. Đảm bảo hội nhập kinh tế quốc tế

Hội nhập kinh tế quốc tế là xu thế tất yếu của quá trình phát triển kinh tế hiện nay. Một trong những định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021-2030, Đảng đã chỉ ra đó là: “*nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế, gắn kết hài hoà, hiệu quả thị trường trong nước và quốc tế*”¹⁶

Muốn hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới, không cách nào khác chúng ta phải chuẩn bị cho mình một nền kinh tế vững chắc, củng cố nội lực.

Thêm vào đó, chính những vụ việc cạnh tranh trong các thị trường quốc tế quá trình hội nhập đưa các mặt hàng có lợi thế so sánh của chúng ta ra tham gia hội nhập gặp nhiều khó khăn, thách thức đã đặt ra yêu cầu cấp bách cho các thiết chế pháp lý, gọi chung là “hành lang pháp lý”.

Khi tham gia vào thị trường kinh doanh quốc tế, chúng ta không thiếu những mặt hàng thế mạnh và lại càng không thiếu nguồn nhân lực chất lượng cao¹⁷.

Vậy vấn đề đặt ra ở đâu chính là sự điều tiết nguồn vốn hiệu quả, cách vận hành các nguồn lực có hiệu quả. Đứng ở góc độ kinh tế thì đó chính là nền kinh tế

¹⁶ Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam.

¹⁷ https://mof.gov.vn/webcenter/portal/vclvcstc/pages_r/1/chi-tiet-tin?dDocName=MOFUCM212408 Chất lượng nguồn nhân lực Việt Nam, theo Nguyễn Thuý Quỳnh, Viện Chiến lược và Chính sách tài chính, Bộ Tài Chính; Bài đăng trên Tạp chí Kinh tế tài chính Việt Nam số 3/2021

vĩ mô, cách các Chính phủ mỗi quốc gia vận hành nền kinh tế. Nhưng nếu thiếu các thiết chế pháp lý và vận dụng các thiết chế pháp lý đó trên thực tiễn cũng là yêu cầu đặt ra của cơ quan chủ quản, bộ ngành liên quan.

Với các FTA thế hệ mới chúng ta trang bị những kiến thức pháp luật cần thiết cho người dân và doanh nghiệp khi tham gia sân chơi kinh tế toàn cầu. EU là thị trường lâu năm, với các tiêu chuẩn cao về kỹ thuật. Nhưng sức cạnh tranh của bên EU không phải là từ những cá nhân trong nước họ mà là từ các doanh nghiệp với nhau và từ các doanh nghiệp nước ngoài.

Vận dụng Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU là vận dụng khả năng tạo ra những hành lang pháp lý thông thoáng cho doanh nghiệp và người dân có thể hội nhập nền kinh tế thế giới, hay nói cách khác là tạo ra các thanh chắn luật pháp để có thể giao lưu trao đổi kinh tế, tự do thoải thuận hàng hoá, tự do lao động, sản xuất kinh doanh với các doanh nghiệp nước ngoài, những tập đoàn doanh nghiệp lớn trên thế giới.

3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật

Phương hướng hoàn thiện pháp luật quốc gia trong các lĩnh vực sao cho phù hợp với các Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU nói riêng và các Hiệp định thương mại tự do khác. Tránh xảy ra xung đột pháp luật trong nước với các Điều ước quốc tế liên quan điều chỉnh cùng mối quan hệ tranh chấp nếu có phát sinh.

Các lĩnh vực pháp luật có thể kể đến như Luật thương mại, sở hữu trí tuệ, Thuế, Ngân hàng, Cạnh tranh, Doanh nghiệp. Bên cạnh đó, cần có sự điều chỉnh sao cho vừa bảo vệ quyền lợi của cá nhân, tổ chức tham gia hoạt động sản xuất, kinh doanh trong nước với các cá nhân, tổ chức nước ngoài, vừa đảm bảo các thiết chế pháp luật phù hợp với quy định của pháp luật quốc tế nói chung và Hiệp định thương mại tự do EVFTA nói riêng.

Đặc biệt cần lưu ý đến Luật Sở hữu trí tuệ vì đây là lĩnh vực thế mạnh của các quốc gia thuộc Liên minh châu Âu EU, chúng ta cần có chính sách hỗ trợ cộng đồng doanh nghiệp và những người lao động trong xu thế hội nhập hiện nay. Kỹ thuật lập pháp của Hiệp định thương mại tự do nói chung không dễ để tìm ra kẽ hở bởi tính chặt chẽ. Tuy nhiên, người thực thi lại chính là cộng đồng các doanh nghiệp, các tập thể cá nhân người lao động ở các quốc gia và liên minh các quốc gia tham gia. Do đó, những quy chuẩn đặt ra nhằm các cá nhân, tổ chức kinh doanh thương mại liên quan không phạm phải. Để tranh chấp lớn không phát sinh thì càng phải giải quyết tốt những tranh chấp nhỏ. EVFTA không cho phép cơ quan tài phán của các quốc gia tham gia vào các mối quan hệ tranh chấp thương mại. Tuy nhiên, khi lưu ý đến những điều khoản mở của EVFTA chúng ta sẽ nhận thấy các cơ chế như lựa chọn Hội đồng chuyên gia cũng là một cách nghiên cứu để nhà làm luật trong các quốc gia tìm ra hướng giải quyết cho những vấn đề thuộc các phạm vi hẹp- rộng nếu có phát sinh xảy ra trên thực tế.

3.3. Các giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về giải quyết tranh chấp thương mại tự do Việt Nam – EU nói chung và giải quyết tranh chấp thương mại nói riêng

3.3.1. Tạo sự nhất quán giữa pháp luật quốc gia với các điều ước quốc tế trong việc hoàn thiện các thiết chế điều chỉnh cùng một mối quan hệ tranh chấp thương mại tự do.

3.3.2. Tăng cường sự hiểu biết pháp luật của các cá nhân, tổ chức tham gia vào hoạt động thương mại quốc tế với các quốc gia và liên minh các quốc gia, tránh để phát sinh tranh chấp thương mại nhưng cũng trên cơ sở tôn trọng các điều ước thoả thuận giữa các bên tham gia hoạt động thương mại; Nhận thức đó là nhiệm vụ và là nghĩa vụ khi giao kết thương mại với nhau.

3.3.3. Tăng cường sự gắn kết giữa các cộng đồng doanh nghiệp trong nước để làm sao bắt nhịp kịp sự thay đổi của các chính sách pháp luật vừa có thể bảo vệ quyền lợi của doanh nghiệp mình vừa trên cơ sở tôn trọng đối tác.

KẾT LUẬN

Mối quan hệ pháp luật thương mại tự do từ lâu đã được hình thành trong lịch sử phát triển của Luật quốc tế nói chung và Luật thương mại quốc tế nói riêng. Bởi lẽ Thương mại quốc tế có từ lâu đời và đã trải qua những thời kỳ phát triển khác nhau, bắt đầu từ thế kỷ thứ XIX trước Công nguyên cho đến ngày nay¹⁸. “Con đường tơ lụa”¹⁹ hình thành từ thời cổ đại để đến khi các văn bản chính thức thừa nhận rộng rãi ở các quốc gia thiết lập “Hành lang pháp lý” nhằm giúp các thương nhân hoạt động giao thương tự do là cả một bước dài của lịch sử nhân loại.

Để giải quyết tranh chấp thương mại tự do cũng là một quá trình bền bỉ của những quốc gia tham gia vào mối quan hệ thương mại tự do nhằm tăng cường sự thuận lợi cho các bên tham gia quan hệ thương mại, giảm thiểu đến mức ít nhất có thể các nội dung quan hệ tranh chấp. Về nguyên tắc, khi các quy phạm điều chỉnh càng chi tiết mối quan hệ pháp luật thì tranh chấp phát sinh càng khó xảy ra. Pháp luật về giải quyết tranh chấp thương mại tự do không phải là lĩnh vực pháp luật riêng biệt của mỗi quốc gia riêng rẽ. Pháp luật về giải quyết tranh chấp thương mại tự do phải có chủ thể tham gia xác định là hai hay nhiều quốc gia.

Nhìn chung các hiệp định thương mại tự do đều trên cơ sở kế thừa và phát huy các thành quả kỹ thuật lập pháp của các quốc gia và các tổ chức liên chính phủ. Do đó, pháp luật về giải quyết tranh chấp thương mại tự do Việt Nam – EU đã kế thừa tốt những thành quả lập pháp của các nước trong Liên minh châu Âu EU.

¹⁸ Theo Giáo trình Luật Thương mại quốc tế, Đại học Luật Hà Nội, NXB Công an nhân dân.

¹⁹ Xem thêm Lịch sử văn minh thế giới, Chủ biên Vũ Dương Ninh, NXB Giáo dục.